

Bản án số: 32 /2018/HNGĐ-ST

Ngày 02 tháng 7 năm 2018

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung"

NHÂN DANH

NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bằng;
2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 398/2017/ TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Ông Vũ Khắc L (Vũ Huy T), sinh năm 1937.

TQ: Số nhà A, đường X, tổ dân phố số 1, phường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

+ **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1953

TQ: Số nhà A, đường X, tổ dân phố số 1, phường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vũ Khắc H, sinh năm 1977
2. Anh Vũ Khắc K - sinh năm 1979.
3. Chị Nguyễn Thị M - sinh năm 1987
4. Chị Vũ Thị T - sinh năm 1981

Đều TQ: Số nhà A, đường X, tổ dân phố số 1, phường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (cả 4 người vắng mặt)

Người đại diện cho chị M: (Chị M bị mất năng lực hành vi dân sự)

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1953

TQ: Số nhà A, đường X, tổ dân phố số 1, phường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Văng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa ông Vũ Khắc L (Vũ Khắc T) trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Ngày 04/4/1976 ông và bà Nguyễn Thị K kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nhưng do ông bà đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn năm 1976 nên ông và bà K đã đăng ký lại việc kết hôn tại UBND phường Q, thành phố B vào ngày 27/8/2013.

Ông và bà K chung sống đến năm 2000 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do hai vợ chồng có nhiều quan điểm sống khác nhau, ông bà thường xuyên cãi nhau do không thể thống nhất về kinh tế, không thể bàn bạc được bất kỳ công việc chung nào của gia đình. Từ năm 2010 đến nay do ông bà chỉ có 01 ngôi nhà nên không thể tách ra sống ly thân nhau. Do vậy ông và bà K vẫn phải ăn uống, sinh hoạt cùng nhà nhưng không ai còn quan tâm đến ai. Về kinh tế ai làm được tiền thì tự lo liệu cuộc sống cho mình, không ai lo lắng cho ai, không trò chuyện hay bàn bạc với nhau bất kỳ việc gì chung của gia đình.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị K.

Về con chung: Ông có hai người con riêng, trong đó có một người con gái với người vợ cũ đã ly hôn là chị Vũ Thị A sinh năm 1970 đang sinh sống ở Tổ X, ấp 3, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và 01 người con gái ngoài giá thú tên là Vũ Thị K sinh năm 1973 đang sinh sống ở Thôn R, xã D, thành phố B. Chị A sống chung cùng ông đến năm 17 tuổi thì Chị A theo mẹ đẻ vào miền Nam sinh sống, còn chị K sau khi sinh được 4 tháng, mẹ chị K bế chị đi ra khỏi nhà và gửi chị K cho người khác nuôi, từ đó chị cũng không sống cùng nhà với ông nữa, chị K và Chị A không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản chung của ông và bà K.

Ông và bà K có 03 con chung là Vũ Khắc H, sinh năm 1977; Vũ Khắc K, sinh năm 1979 và Vũ Thị T sinh năm 1981. Anh H và Anh K đã trưởng thành, phát triển bình thường đã có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị M bị bệnh thần kinh, Tòa án đã có Quyết định tuyên bố chị M mất năng lực hành vi dân sự. Hiện nay cả 3 người con chung của ông với bà K đang chung sống cùng với vợ chồng ông. Khi ly hôn do chị M bị bệnh thần kinh và là phụ nữ, ông đã tuổi cao không thể chăm sóc chị M được nên ông đề nghị bà K nuôi con chung là chị M, ông sẽ có trách nhiệm với con chung nếu bà K yêu cầu.

Về tài sản chung: Ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 159.6m² và tài sản gắn liền là căn nhà cấp 4 tại địa chỉ số nhà 134, đường Xương Giang, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q639305, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00201/QSĐĐ/QĐ số 446/QĐCT(T), ngày 28/4/2000. Nguồn gốc nhà đất trên là của mẹ đẻ ông bán ngôi nhà số Z, đường T, thành phố B lấy tiền mua đất ở số nhà A, đường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang như hiện nay. Năm 1995 gia đình ông làm lại nhà nhưng cũng chỉ làm

nhà xây chắp vá, có tiền đến đâu làm đến đó. Năm 1997 mẹ ông mất và đến năm 2000 thì nhà đất chuyển sang tên hộ gia đình ông là Vũ Khắc L Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 hộ gia đình ông có 5 người, vợ chồng ông bà và 03 người con chung.

Các con của ông không có công sức đóng góp gì trong việc tạo lập nên nhà đất này nhưng khoảng năm 2007 thì gia đình ông có sửa chữa lại nhà, làm thêm hai khung sắt lợp tấm pro xi măng, Anh H và Anh K có bỏ ra 20.000.000đồng để sửa chữa nhà. Từ năm đó đến nay gia đình ông không sửa chữa gì thêm nữa.

Do các con ông bà đã trưởng thành và ông bà đã già, sống chỉ dựa vào việc sửa chữa bơm vá xe đơn giản tại nhà không đủ chi phí cho một gia đình, ông bà có bệnh tật gì cũng không có tiền để chữa trị, trong nhà không có tài sản gì có giá trị, nhà đến nay đã hỏng nặng, mưa bão to có thể sập bất cứ lúc nào, ông bà và Anh H, Anh K cũng không có tiền để xây mới, ông muốn bán nhà đất trên để cho Anh H và Anh K mỗi người một phần tạo lập chỗ ở mới, phần còn lại để ông và bà K mỗi người một phần để dưỡng già nhưng bà K không đồng ý. Do vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do ông có 03 người con chung với bà K ông đề nghị nếu Anh H và Anh K đề nghị xem xét công sức thì chia cho các anh theo công sức của các con ông, số còn lại ông đề nghị Tòa án chia tài sản chung làm 02 phần bằng nhau theo kết quả định giá của Tòa án, đề nghị Tòa án giao nhà đất cho ông, ông sẽ trích trả tiền nhà, đất cho bà K.

Về công nợ: Ông bà không nợ ai và không ai nợ ông bà nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

+ Bị đơn là bà Nguyễn Thị K trình bày: Về thời gian kết hôn như Ông L khai là đúng, trong cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, nay ông bà đã già, Ông L có đơn xin ly hôn bà không đồng ý, bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng bà đoàn tụ.

Về con chung: Ông L có hai người con riêng là Chị A và chị K như Ông L trình bày là đúng. Chị A đã vào miền Nam sinh sống còn chị K đã cho đi làm con nuôi từ nhỏ và không còn mối quan hệ gì với gia đình bà.

Ông bà có 3 người con chung là Vũ Khắc H, sinh năm 1977; Vũ Khắc K, sinh năm 1979 và Vũ Thị T sinh năm 1981. Anh H và Anh K đã trưởng thành, phát triển bình thường đã có gia đình riêng nên bà không có ý kiến gì Chị M bị bệnh thần kinh. Hiện nay cả 3 người con chung của ông bà đang chung sống cùng với vợ chồng bà. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn bà đề nghị được nuôi chị M, không yêu cầu Ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông bà có tài sản là quyền sử dụng đất 159.6 m² và tài sản gắn liền là căn nhà cấp 4 tại địa chỉ số nhà A, đường X, phường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q639305, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00201/QSDĐ/QĐ số 446/QĐCT(T), ngày 28/4/2000. Các con của bà không có công sức đóng góp gì trong việc tạo lập nên nhà đất này nhưng năm 2007 nhà ông bà do không có phòng ở nên Anh H Anh K có ngăn thêm phòng ở và sửa mái hết 20.000.000đồng, số tiền trên là của Anh H và Anh K. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn và phải bán tài sản chung

bà đề nghị ổn định chỗ ở cho Anh H và Anh K còn lại chia đôi vợ chồng mỗi người 1/2.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Khắc H, Vũ Khắc K thống nhất trình bày: Việc bố các anh có đơn xin ly hôn các anh không có ý kiến gì, tuy nhiên ông bà đã nhiều tuổi đề nghị Tòa án hòa giải để bố mẹ các anh đoàn tụ.

Về tài sản: Bố mẹ các anh có tài sản như ông bà trình bày là đúng, các anh xác định năm 2007 các anh cùng sửa nhà hết 20.000.000đồng nhưng các anh không đề nghị gì về số tiền bỏ ra sửa chữa nhà trên, các anh chỉ có công sức duy trì, giữ gìn nhà đất nhưng không có công sức gì đóng góp trong khối tài sản chung của gia đình. Nay bố mẹ các anh ly hôn, các anh đề nghị ông bà nếu chia tài sản cho bố mẹ anh thì đảm bảo cho các anh chỗ ở rồi mới chia tài sản cho ông bà. Trường hợp ông bà không đồng ý, các anh đề nghị chia tài sản cho ông bà, còn các anh không yêu cầu và không đề nghị gì trong khối tài sản chung này.

Chị Vũ Thị M (là vợ Anh H) trình bày: Chị về làm dâu và sinh sống với Ông L, bà K từ khi chị kết hôn với Anh H đến nay, trong thời gian chị ở chung cùng nhà chồng, chị không có công sức gì đóng góp đối với nhà đất trên nên chị không có yêu cầu gì, chị xác định không có liên quan và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tòa án tiến hành làm việc với bà Trần Thị Bình là hàng xóm và là tổ phó tổ dân phố số 1, phường Q, TP Bắc Giang. Bà Bình trình bày: Ông L và bà K trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn, do ông bà chênh lệch về tuổi tác nên mỗi người có một quan điểm khác nhau, do mâu thuẫn nhiều nên tổ dân phố có khuyên giải để vợ chồng ông bà khắc phục và đoàn tụ nhưng không những ông bà không thay đổi mà mâu thuẫn còn trầm trọng hơn do vậy việc Ông L có đơn xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị K là người đại diện cho chị Vũ Thị M (chị M là người mất năng lực hành vi dân sự) Tòa án có tiến hành làm việc với chị M nhưng không tiến hành được lý do chị M không nhận thức được hành vi của mình. Tòa án có triệu tập Bà K đến làm việc nhưng bà K không hợp tác. Ông L cung cấp cho Tòa án Quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự đối với chị M của Tòa án

+ Tòa án đã mở phiên hòa giải nhiều lần để hòa giải về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, con chung cho ông bà nhưng bà K, Anh H, Anh K, chị Hảo đều không đến và không có bất cứ ý kiến nào gửi Tòa án. Do vậy Tòa án không thể hòa giải cho ông bà đoàn tụ và hòa giải về tài sản chung theo yêu cầu của bà K, Anh H, Anh K được.

+ Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án

Tòa án mở phiên tòa nhiều lần nhưng do bà K, Anh H và Anh K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn,

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Khắc L (Vũ Huy T) đề nghị Hội đồng xét xử, cho Ông L được ly hôn bà K; Về con chung: Giao chị Vũ Thị T cho bà Nguyễn Thị K chăm sóc nuôi dưỡng (do chị M bị mất năng lực hành vi dân sự) Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà K không yêu cầu;

Về tài sản chung: Giao cho ông Nguyễn Khắc Lâm tài sản là quyền sử dụng đất 159.6 m² và tài sản gắn liền là căn nhà cấp 4 tại địa chỉ số nhà 134, đường Xương Giang, phường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q639305, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00201/QSĐĐ/QĐ số 446/QĐCT(T), ngày 28/4/2000 trị giá tài sản 6.000.000.000đồng. Ông L phải trích chia tài sản cho bà K số tiền là 3.000.000.000đồng

Về chi phí định giá và thẩm định đo đạc: Ông L nộp 3.000.000đồng chi phí định giá và 3.000.000đồng chi phí thuê đo đạc, số tiền trên đã chi hết cho Hội đồng định giá và chi phí thuê đo đạc, Ông L tự nguyện chịu cả do vậy cần chấp nhận.

Về án phí: Do Ông L và bà K là người cao tuổi nên miễn án phí cho ông bà.

Kiến nghị, khắc phục sửa chữa sai phạm: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị K, anh Vũ Khắc H, anh Vũ Khắc K, chị Vũ Thị Hảo đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử vắng mặt bà K, Anh K, Anh H, chị Hảo là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ vợ chồng: Ông Vũ Khắc L và bà Nguyễn Thị K kết hôn tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND theo quy định của pháp luật, được UBND phường Q cấp giấy chứng nhận kết hôn, đúng với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu về kinh tế và bất đồng quan điểm sống. Ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, còn bà K không đồng ý ly hôn vì bà xác định vợ chồng đã già cần chăm sóc lẫn nhau lúc tuổi già, bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Tòa án đã mở phiên hòa giải theo đề nghị của bà K nhưng bà K không đến, không hợp tác với Tòa án và cũng không có biện pháp gì để khắc phục nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông bà với nhau. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, đại diện tổ dân phố cũng xác định mâu thuẫn của ông bà không thể khắc phục được.

Hội đồng xét xử thấy, trong cuộc sống vợ chồng giữa Ông L và bà K cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã nhiều năm không ai quan tâm đến cuộc sống của

ai, do mâu thuẫn vợ chồng và bất đồng quan điểm sống ông không còn chỗ ở nào khác nên vẫn phải tiếp tục sống chung cùng bà. Thực tế ông bà đã ly thân từ nhiều năm. Do vậy, xét mâu thuẫn của vợ chồng Ông L với bà K đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ông L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Ông L và bà K có ba người con chung là Vũ Khắc H, sinh năm 1977; Vũ Khắc K, sinh năm 1979 và Vũ Thị T sinh năm 1981. Anh H và Anh K đã trưởng thành, có thể tự lo liệu cuộc sống cho bản thân, ông bà không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với chị Vũ Thị T do bị bệnh thần kinh đã có Quyết định tuyên bố chị M bị mất năng lực hành vi dân sự số 08/2018/QĐVS ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Bà K có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng chị M không yêu cầu Ông L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử thấy: Do chị M là phụ nữ và bị mất năng lực hành vi dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu của bà K giao chị M cho bà K nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông L có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở Ông L thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi hoặc giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6]. Về tài sản chung: Ông bà có tài sản chung là quyền sử dụng đất 159.6 m² và tài sản gắn liền là căn nhà cấp 4 tại địa chỉ số nhà 134, đường Xương Giang, phường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q639305, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00201/QSDĐ/QĐ số 446/QĐCT(T), ngày 28/4/2000. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 14/4/2018 thì kết quả như sau:

Đất theo giá thị trường là: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng)

Tài sản gắn liền trên đất có nhà cấp 4 khấu hao đã hết: Giá bằng không

Sau khi định giá các đương sự đã nhận được thông báo kết quả định giá và không ai có ý kiến gì về giá.

Xét yêu cầu của Ông L và ý kiến của Anh H, Anh K, chị Hảo, Hội đồng xét xử thấy:

Anh H và Anh K đều sinh ra và lớn lên tại nhà đất trên, các anh có bỏ tiền sửa chữa nhà năm 2007 hết 20.000.000 đồng. Anh H, Anh K không có ý kiến gì về số tiền đã bỏ ra sửa chữa nhà để ở trên. Tại phiên định giá của Hội đồng định giá xác định tài sản của ông bà là nhà trên đất đã khấu hao hết không còn giá trị gì, đất có giá theo giá thị trường tại thời điểm định giá là 6.000.000.000 (sáu tỷ đồng) các anh cũng không có ý kiến gì. Trường hợp ông bà ly hôn các anh đề nghị ông bà ổn định cuộc sống cho hai anh em anh, nhưng nếu ông bà không thỏa thuận được thì các anh xác định không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản chung của ông bà và không đề nghị cũng không có ý kiến gì. Chị Hảo là vợ Anh H xác định ở từ khi chị kết hôn với Anh H

nhưng chị xác định cũng không có công sức gì và không đề nghị gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với yêu cầu của Anh H, Anh K và chị Hảo

Ông L có hai người con riêng, Tòa án tiến hành làm việc với Chị A và chị K các chị đều xác định không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản chung của ông bà, các chị không đề nghị gì về tài sản của ông bà, các chị đều đề nghị không đưa các chị vào tham gia tố tụng trong vụ án này vì xác định không có liên quan gì. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Bà K có quan điểm, nếu vợ chồng ly hôn, bà muốn ổn định cuộc sống cho Anh H và Anh K còn lại chia đôi mỗi người 1/2 tài sản, quá trình làm việc Tòa án có mở phiên hòa giải nhiều lần để ông bà tự thỏa thuận về tài sản theo đề nghị của ông bà là ổn định cuộc sống cho Anh H, Anh K nhưng bà K, Anh H, Anh K đều không đến. Do vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo yêu cầu của ông bà được. Do bà K không hợp tác nên Ông L có nguyện vọng do ông tuổi đã cao không có khả năng tạo lập chỗ ở mới cho các con, ông đề nghị chia đôi tài sản để có thể đảm bảo cho cuộc sống cho các con và cho ông được hưởng cuộc sống lúc tuổi già. Xét thấy, đề nghị của Ông L là có căn cứ, cần xem xét đến nguyện vọng của Ông L, chia đôi tài sản cho ông bà mỗi người 1/2 giá trị tài sản là có căn cứ. Do Anh H và Anh K không có yêu cầu nên việc ông bà ổn định cuộc sống và cho Anh H, Anh K tài sản như thế nào là quyền của ông bà.

Vậy cần giao nhà đất trên cho Ông L quyền sử dụng đất 159.6 m² giá 6.000.000.000đồng và tài sản gắn liền là căn nhà cấp 4 tại địa chỉ số nhà 134, đường Xương Giang, phường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q639305, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00201/QSDD/QĐ số 446/QĐCT(T), ngày 28/4/2000. Ông L phải trích chia tài sản trả cho bà K 3.000.000.000đồng (ba tỷ đồng) chẵn, (bằng 1/2 giá trị tài sản của ông bà)

[7]. Về chi phí định giá và thẩm định đo đạc: Ông L nộp 3.000.000đồng chi phí định giá và 3.000.000đồng chi phí thuê đo đạc, số tiền trên đã chi hết cho Hội đồng định giá và thuê đo đạc, Ông L tự nguyện chịu cả do vậy cần chấp nhận.

[8]. Về án phí: Do Ông L, bà K tuổi cao nên miễn án phí ly hôn, chia tài sản chung cho ông bà là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 33, Điều 38; Điều 62; Điều 73 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho ông Vũ Khắc L (Vũ Huy T) được ly hôn với bà Nguyễn Thị K

2. Về con chung: Giao con chung là chị Vũ Thị T sinh năm 1981 (là người mất năng lực hành vi dân sự) cho bà Nguyễn Thị K nuôi dưỡng. Ông Vũ Khắc L không phải cấp dưỡng nuôi chị M do bà K không yêu cầu.

Ông L có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở Ông L thực hiện quyền này.

3. Về tài sản: Giao cho ông Vũ Khắc L (Vũ Huy T) tài sản là quyền sử dụng đất 159.6 m² và tài sản gắn liền là căn nhà cấp 4 tại địa chỉ số nhà 134, đường Xương Giang, phường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q639305, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00201/QSĐĐ/QĐ số 446/QĐCT(T), ngày 28/4/2000 (phía Tây bắc giáp đường Xương Giang; Phía Đông Bắc giáp đất bà Lương Thị Kim; phía Tây Nam giáp đất ông Phạm Văn Tùng, phía Đông Nam giáp đất bà Hậu) trị giá 6.000.000.000đồng (sáu tỷ đồng). Ông L phải trích chia tài sản cho bà K 1/2 giá trị tài sản bằng tiền là 3.000.000.000đồng (ba tỷ đồng).

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

5. Về chi phí định giá và thẩm định đo đạc: Ông L phải chịu 3.000.000đồng chi phí định giá và 3.000.000đồng chi phí thẩm định đo đạc. (xác nhận Ông L đã nộp đủ số tiền trên)

6. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho ông Vũ Khắc L và bà Nguyễn Thị K.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP .B;
- UBND phường Q, TP. B.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hương

